

Số: 365 /GTCB-CBTT

Cao Bằng, ngày 14 tháng 3 năm 2023

V/v báo cáo thường niên năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Mã chứng khoán: CBI

- Địa chỉ liên hệ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Điện thoại: 0206 3953 369 - Fax: 0206 3953 268

- E-mail: gangthepcb@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <https://gtcb.com.vn> từ ngày 14 tháng 3 năm 2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

Tài liệu đính kèm:

- BC thường niên năm 2022.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV



CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG
CAO BANG CAST IRON & STEEL JSC (CISCO)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2022**

Cao Bằng, tháng 3 năm 2023

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

QĐ	Quyết định
UBND	Ủy ban nhân dân
BCTC	Báo cáo tài chính
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CMND	Chứng minh nhân dân
CCCD	Căn cước công dân
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CTCP	Công ty cổ phần
CBCNV	Cán bộ công nhân viên

Số: 366 /BC-GTCB

Cao Bằng, ngày 19 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800162247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 18/10/2006, sửa đổi lần thứ 10 ngày 10/6/2022.
- Vốn điều lệ: 430.063.660.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 225.954.200.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 052 phố Kim Đồng, p. Hợp Giang, tp. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Số điện thoại: 0206 3953 369.
- Số fax: 0206 3953 268.
- Website: <http://gtcb.com.vn>
- Mã cổ phiếu: CBI
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 2155/QĐ-HĐQT ngày 05/10/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất phôi thép từ quặng sắt được khai thác tại Mỏ sắt Nà Rua thuộc phường Tân Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800162247 ngày 18/10/2006 và cấp thay đổi lần 10 ngày 10/6/2022. Vốn điều lệ đăng ký ban đầu của công ty là 100 tỷ đồng, tương ứng 10.000.000 cổ phần.

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng được thành lập nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương – một tỉnh miền núi giàu tài nguyên khoáng sản, nhưng lâu nay chỉ chủ yếu khai thác và xuất khẩu quặng thô. Vốn điều lệ của ban đầu Công ty là 100 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty khoáng sản đóng góp 60%, Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng đóng góp 30% và Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đóng góp 10%. Với nhiệm vụ thăm dò khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Nà Rua và đầu tư xây dựng nhà máy gang thép công suất 179m³, sản xuất 221.000 tấn phôi thép/năm sẽ thu hút toàn bộ nguyên liệu để sản xuất thành sản phẩm công nghiệp, góp phần nâng cao và ổn định

sản lượng sắt thép, tăng thu ngân sách và giải quyết việc làm cho trên 1.100 lao động tạo bước đột phá cho sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.

Sau khi được thành lập, Công ty đã ổn định tổ chức đi vào hoạt động với nhiệm vụ chính bước đầu là thực hiện dự án Xây dựng Khu liên hợp gang thép Cao Bằng và dự án khai thác Mỏ sắt Nà Rua cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho Nhà máy. Từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã tiến hành giải phóng, san gạt mặt bằng Khu tái định cư và mặt bằng xây dựng Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng với tổng mức đầu tư 1.911 tỷ đồng. Đây là dự án được áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến của Trung Quốc. Bao gồm tổ hợp nhà máy thiêu kết công suất 399.200 tấn quặng sắt thiêu kết/năm; lò cao dung tích 179m³ công suất 219.000 tấn nước gang/năm; lò chuyển luyện thép dung tích thiết kế 25 tấn/mẻ. Tổng công suất thiết kế của nhà máy đạt 221.600 tấn phôi thép/năm, doanh thu ước đạt 1.500 tỷ đồng/ năm. Bên cạnh đó Công ty đã hoàn thành công tác thăm dò và lập báo cáo, trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản phê duyệt trữ lượng Mỏ sắt Nà Rua; lập báo cáo đầu tư khai thác lộ thiên mỏ. Dự án khai thác mỏ sắt Nà Rua tại địa bàn phường Tân Giang, thị xã Cao Bằng với tổng trữ lượng đạt hơn 16.700 nghìn tấn quặng sắt, sản lượng khai thác đạt 350.000 tấn tinh quặng sắt/năm, đáp ứng nguồn nguyên liệu chất lượng và ổn định cho khu liên hợp Gang thép.

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng hoạt động ổn định và từng bước phát triển theo đúng định hướng và mục tiêu ban đầu của Công ty, hình thành Khu liên hợp khai thác, chế biến, tinh luyện khoáng sản, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

Ngày 23/01/2017, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 21/09/2017, Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 43.006.366 cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác quặng sắt Chi tiết: - Khảo sát, thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản	0710 (Chính)
2	- Tư vấn thiết kế mỏ, tư vấn đầu tư khai thác, tuyển luyện, chế biến các loại khoáng sản. - Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực địa chất, khai thác mỏ và luyện kim. - Thiết kế, chế tạo, gia công, sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại hàng hóa, vật tư, thiết bị thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim. - Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại gang thép và vật liệu xây dựng. - Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa. - Sản xuất kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800162247 của Công ty)

- Hoạt động kinh doanh chủ yếu: Sản xuất phôi thép

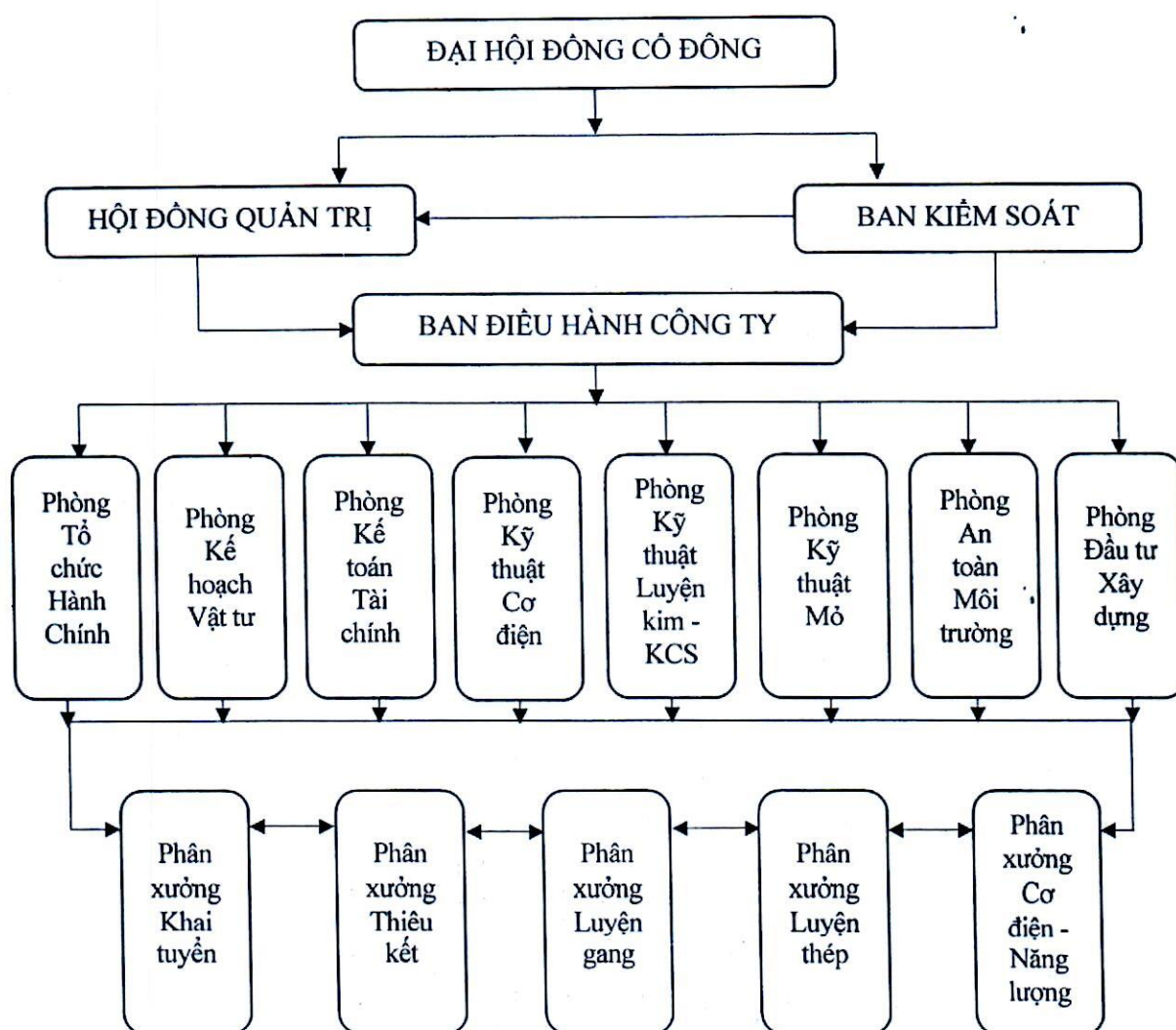
- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Cao Bằng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực thi giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành công ty Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban Điều hành Công ty bao gồm: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.
- Các Phòng và Phân xưởng trực thuộc Công ty gồm: 08 Phòng và 05 Phân xưởng.

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Thành viên HĐQT, nhiệm kỳ HĐQT là 05 năm (2022-2027).

- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng BKS và 02 Thành viên BKS, nhiệm kỳ của BKS là 05 năm (2022-2027).

- Giám đốc Công ty: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, SXKD của Công ty theo kế hoạch đã được HĐQT Công ty phê duyệt. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và là một Thành viên trong HĐQT.

- Phó Giám đốc Công ty: Hiện nay có 03 Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng Công ty: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của công ty, giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại công ty theo luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của luật về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được hội đồng quản trị chấp thuận.

Các phòng chức năng của Công ty:

(1) Phòng Tổ chức Hành chính

Phòng Tổ chức Hành chính là phòng quản lý chức năng tham mưu cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý công ty; công tác cán bộ, lao động, tiền lương và chế độ chính sách đối với người lao động; công tác thi đua khen thưởng; Công tác thư ký Công ty, quản lý văn phòng, hành chính quản trị; văn hóa thể thao; bảo vệ quân sự; thanh tra pháp chế; y tế; công tác hậu cần phục vụ các hoạt động của Công ty. Thực hiện công tác đối nội và đối ngoại với các tổ chức, cá nhân liên hệ công tác và làm việc, đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và quy định của Pháp luật.

(2) Phòng Kế hoạch Vật tư

Phòng Kế hoạch Vật tư là phòng quản lý chức năng của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc HĐQT, Ban giám đốc về công tác xây dựng và quản lý Kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm, kinh doanh, cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ SXKD và vận tải hàng hóa.

(3) Phòng Kế toán Tài chính

Phòng Kế toán Tài chính là phòng quản lý chức năng của Công ty, có chức năng tham mưu, giúp việc HĐQT, Ban giám đốc trong lĩnh vực quản lý hệ thống, kế toán, tài chính, thống kê toàn Công ty.

(4) Phòng Kỹ thuật Cơ điện

Phòng cơ điện là phòng quản lý chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện quản lý công tác cơ điện, năng lượng, vận tải của Công ty. Định kỳ kiểm tra rà soát, biên lập bổ sung, hệ thống hóa các tài liệu kỹ thuật, văn bản quản lý cơ điện, các bản vẽ, catalog kỹ thuật... để lưu trữ trong quá trình

quản lý, vận hành sử dụng, sửa chữa các tài sản là máy móc thiết bị. Xây dựng kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng các cấp máy móc thiết bị.

(5) Phòng Kỹ thuật Luyện kim - KCS

Phòng Kỹ thuật Luyện kim - KCS là phòng quản lý chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc HĐQT, Ban giám đốc về công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ, điều độ sản xuất trong lĩnh vực luyện kim; công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, kiểm tra chất lượng hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào đầu ra, công tác khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong toàn Công ty.

Là phòng quản lý về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, kiểm tra chất lượng hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu.

(6) Phòng Kỹ thuật Mỏ

Phòng Kỹ thuật Mỏ là phòng quản lý chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc HĐQT, Ban giám đốc về công tác quản lý công tác khai thác mỏ, trắc địa mỏ, địa chất thăm dò, địa chất mỏ, công tác tuyển khoáng, quy hoạch khoáng sản.

(7) Phòng An toàn môi trường

Là phòng quản lý chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc về công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường.

(8) Phòng Đầu tư Xây dựng

Là phòng quản lý chức năng của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc về công tác đầu tư, xây dựng công trình, quy hoạch, giải phóng mặt bằng và quản lý đất đai của Công ty.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phát triển khai thác và chế biến khoáng sản tiên tiến đồng bộ, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty. Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, an toàn, đảm bảo quy định ATMT, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh để đạt mục tiêu tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng định hướng duy trì và phát triển mảng hoạt động kinh doanh truyền thống:

- Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh với các thị trường, khách hàng truyền thống mà Công ty hiện đang có, đẩy mạnh chính sách bán hàng, tiếp thị sản phẩm của Công ty.

- Tích cực mở rộng thêm thị trường các khu vực lân cận, thị trường ngoài Tổng công ty, tạo tiền đề cho phát triển các năm tiếp theo.

- Dưới những tác động của nhân tố khách quan, bộ máy quản lý của Công ty chỉ đạo điều hành cán bộ công nhân viên nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

- Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược kinh doanh tổng hòa các mối quan hệ giữa yếu tố con người và năng lực tài chính:

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, hoạch định chính sách: Việc nâng cao năng lực của các cán bộ chuyên môn cần được đưa lên hàng đầu. Chủ động nâng cao trình độ quản lý, bồi dưỡng và hướng dẫn những kiến thức về kinh tế, về kế hoạch cho tất cả các cán bộ quản lý, công nhân và người lao động trong công ty.

+ Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ vay, phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Định hướng hoạt động cho giai đoạn tới nhằm thực hiện mục tiêu “An toàn - Phát triển - Hiệu quả”, “Đổi mới và hiện đại hóa công nghệ” nhằm tăng năng suất lao động, linh hoạt, thích ứng với sự biến động của thị trường, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giảm tiêu hao năng lượng, giảm chi phí sản xuất, cải thiện điều kiện lao động, an toàn và môi trường, giảm tổn thất tài nguyên khoáng sản. Công ty tập trung vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhưng mục tiêu ưu tiên hàng đầu là bảo vệ môi trường và cảnh quan xung quanh nhà máy cũng như của người dân địa phương, hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế:

Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống được tạo ra từ yếu tố kinh tế vĩ mô (ví dụ như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá, lãi suất,...) đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nói riêng. Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Ngược lại, nếu nền kinh tế có những biến động bất thường hoặc rơi vào suy thoái thì các yếu tố lạm phát, tỷ giá, lãi suất sẽ tăng cao và khiến cho nhu cầu xây dựng giảm mạnh, làm rào cản cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, vì vậy sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, tạo nên sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Tuy nhiên, các mặt hàng của Việt Nam chiếm một tỷ trọng nhỏ so với thế giới, do đó giá bán của các sản phẩm này phụ thuộc nhiều vào mặt bằng chung của thế giới. Nên khi nền kinh tế toàn cầu suy thoái, dẫn đến giá bán các sản phẩm khoáng sản giảm, dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự phát triển của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình kinh tế để từ đó lập kế hoạch SXKD cho phù hợp với sự tăng trưởng của nền kinh tế.

5.2. Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán.

Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

5.3. Rủi ro về lãi suất:

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp. Khi lãi suất biến động sẽ có ảnh hưởng nhất định đến tình hình SXKD của Công ty.

Công ty áp dụng nhiều biện pháp như giảm vay vốn từ ngân hàng, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, tích cực đàm phán với các ngân hàng để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

5.4. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

5.5. Rủi ro luật pháp:

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động ở lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán, Luật Khoáng sản, Luật Môi trường... Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, hoạt động khai thác khoáng sản cũng chịu tác động rất lớn của các quy định đặc thù liên quan đến tài nguyên khoáng sản. Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí trong khai thác, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường.

Ban điều hành luôn lưu ý và cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo tuân thủ sự quản lý của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành.

5.6. Rủi ro đặc thù:

- Rủi ro Thị trường: Rủi ro về giá sẽ tác động lớn đến Công ty, phụ thuộc vào nguồn cung trên thị trường.

Công ty đã và đang nghiên cứu đánh giá nhu cầu thị trường để từ đó có chiến lược đầu tư chế biến sâu các sản phẩm như thép xây dựng, thép hình, thép phục vụ cho công nghiệp chế tạo ... Đặc biệt sản phẩm phôi thép CT5 được Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam bao tiêu khoảng 100.000 tấn/năm phục vụ sản xuất cho các Công ty con trong tập đoàn.

- Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: Chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn, chính vì vậy việc giá cả các nguồn nguyên vật liệu biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Rủi ro về khai thác nguồn nguyên liệu: Một rủi ro khác thuộc về khai thác là khả năng đánh giá chính xác về trữ lượng, chất lượng khoáng sản và công suất khai thác. Công suất khai thác thực tế không đạt được như trữ lượng ước tính ban đầu sẽ đẩy chi phí giá thành lên cao, sản phẩm sẽ không cạnh tranh và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ngoài ra SXKD của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Xu hướng thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao cũng sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về thời tiết: Hầu hết các mỏ đều lộ thiên, do đó mà những thay đổi về thời tiết như mưa nhiều với lượng mưa lớn sẽ gây khó khăn cho công tác khai thác quặng sắt phục vụ cho sản xuất của Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng và tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn.

5.7. Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hỏa hoạn, thiên tai; dịch bệnh; rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình SXKD như: Tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình SXKD, thi công. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tổ chức các phương án, giải pháp nhằm đảm bảo ATVSLĐ-PCCN trong sản xuất, tham gia mua Bảo hiểm kết hợp con người và thực hiện đóng BHXH theo quy định Luật BHXH hiện hành cho cán bộ công nhân viên lao động trong toàn Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 - 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% so với năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.892.446.834.164	2.131.189.046.456	73,68
Doanh thu thuần	2.892.446.834.164	2.131.189.046.456	73,68
Lợi nhuận gộp	450.685.441.065	130.616.163.203	28,98
Lợi nhuận thuần	357.208.393.290	23.937.523.096	6,70
Lợi nhuận khác	(1.907.788.370)	(17.847.888.083)	(936)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	355.300.604.920	6.089.635.013	1,71
Lợi nhuận sau thuế	341.228.014.094	7.749.224.598	2,27

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 của Công ty)

➤ Cơ cấu doanh thu:

Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2021 - 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)	Tỷ trọng (%)	Năm 2022 (đồng)	Tỷ trọng (%)	% so với năm 2021
Doanh thu thuần từ HĐSXKD	2.892.446.834.164	99,74	2.131.189.046.456	99,93	73,68
Doanh thu bán sản phẩm	2.889.624.577.678	99,64	2.127.668.034.860	99,76	73,63
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.822.256.486	0,10	3.521.011.596	0,17	124,7
Doanh thu hoạt động tài chính	7.454.331.833	0,26	821.440.772	0,03	9,12
Thu nhập khác	-	0	885.247.537	0,04	
Tổng doanh thu	2.899.901.165.997	100	2.132.753.819.999	100	73,55

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 của Công ty)

➤ Cơ cấu chi phí:

Bảng số 3: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2021 - 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)	Tỷ trọng (%)	Năm 2022 (đồng)	Tỷ trọng (%)	% so với năm 2021
Giá vốn hàng bán	2.441.761.393.099	93,64	2.000.572.883.253	94,07	125
- Giá vốn hàng bán sản phẩm	2.437.552.398.212	93,43	1.995.906.239.877	93,88	125
- Giá vốn hàng bán dịch vụ	4.208.994.887	0,21	4.666.643.376	0,22	94
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	\	\	\	\	\
Chi phí tài chính	63.977.545.000	4,28	74.876.894.140	3,52	72
- Chi phí lãi vay	61.135.273.799	3,58	57.212.900.914	2,69	82
Chi phí bán hàng	1.640.596.051	1,04	2.303.421.425	0,11	8
Chi phí QLDN	35.313.238.557	1,02	30.177.850.548	1,42	166
Chi phí khác	1.907.788.370	0,01	18.733.135.620	0,88	5004
Tổng chi phí	2.544.600.561.077	100	2.126.664.184.986	100	83,58

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 của Công ty)

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2022:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022 đã thông qua	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ %
Sản lượng Phôi thép				
- Sản xuất	Tấn	140.500	145.006	103,21
- Tiêu thụ	Tấn	138.400	140.311	101,38
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.105	2.133	101,33
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	50	62,5	125,00
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,54	7,75	73,53
Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	95,15	95	99,84
Lao động sử dụng bình quân	người	780	780	100,00
Tiền lương bình quân	trđ/người/tháng	11,2	10,15	90,63

(Nguồn: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách ban điều hành:

Bảng số 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông: Nguyễn Văn Phương	Giám đốc,
2	Ông: Hoàng Minh Ngọc	Phó Giám đốc
3	Ông: Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc
4	Ông: Nguyễn Hoài Nam	Phó Giám đốc
5	Ông: Đỗ Ngọc Hải	Kế toán trưởng

➤ Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

Họ và tên	: NGUYỄN VĂN PHƯƠNG
- Số CMND/CCCD	: 038076022365, Cục QLHC về TTXH cấp ngày 31/8/2021
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 19/01/1976
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Địa chỉ thường trú	: Tổ 14, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Địa chỉ hiện tại	: Tổ 14, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Khai thác Mỏ, Kỹ sư QT Kinh doanh
- Quá trình Công tác	
+ Từ 01/2000 đến 01/2002	: Cán bộ kỹ thuật khai thác hầm lò - XN kẽm chì Làng Hích
+ Từ 02/2002 đến 04/2004	: Phòng Kế hoạch Vật tư - XN kẽm chì Làng Hích
+ Từ 05/2004 đến 11/2005	: Kỹ sư khai thác phòng Kỹ thuật mỏ - Công ty KLM Thái Nguyên
+ Từ 12/2005 đến 07/2007	: Phó phòng Kỹ thuật mỏ - Công ty KLM Thái Nguyên
+ Từ 08/2007 đến 03/2008	: Phó giám đốc - Giám đốc điều hành mỏ - XN kẽm chì Làng Hích
+ Từ 04/2008 đến 11/2010	: Phó giám đốc - Giám đốc điều hành mỏ - XN kẽm chì Làng Hích
+ Từ 11/2010 đến 01/2014	: Giám đốc XN kẽm chì Làng Hích
+ Từ 02/2014 đến 04/2014	: Tổ trưởng - Ban quản lý các dự án - Công ty TNHH MTV KLM Thái Nguyên
+ Từ 05/2014 đến 07/2014	: Chánh văn phòng - Công ty CP KLM Thái Nguyên - Vimico
+ Từ 07/2014 đến 06/2019	: Bí thư đảng ủy - Giám đốc Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn - TMC
+ Từ 06/2019 đến nay	: Bí thư đảng ủy - Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Bí Thư đảng uỷ, Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (Tổng Công ty Khoáng sản - TKV)	:	7.000.000 cổ phần, chiếm 16,28% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty	:	Thù lao thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	:	HOÀNG MINH NGỌC
- Số CMND/CCCD	:	019085013729, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ngày 04/10/2022
- Giới tính	:	Nam
- Ngày sinh	:	02/08/1985
- Quốc tịch	:	Việt Nam
- Dân tộc	:	Nùng
- Địa chỉ thường trú	:	Xóm Đá Vôi, xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên.
- Địa chỉ hiện tại	:	Xóm Đá Vôi, xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái nguyên.
- Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Kỹ thuật luyện kim
- Quá trình Công tác	:	
+ Từ 05/2007 đến 09/2008	:	Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Thép và Vật tư Hải Phòng
+ Từ 10/2009 đến 12/2014	:	Cán bộ quản lý Dự án Công ty CP Lâm Bắc - Từ Liêm - Hà Nội
+ Từ 07/2015 đến 07/2016	:	Phó quản đốc Phụ trách PX Thiêu kết - Cty cổ phần Gang thép Cao Bằng.
+ Từ 07/2016 đến 11/2016	:	Phó quản đốc Phụ trách PX Luyện thép - Cty cổ phần Gang thép Cao Bằng.
+ Từ 11/2016 đến 07/2019	:	Quản đốc PX Luyện thép - Cty cổ phần Gang thép Cao Bằng.
+ Từ 07/2019 đến nay	:	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	:	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty	:	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Họ và tên	:	NGUYỄN VĂN TUẤN
- Số CMND/CCCD	:	001081028939 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/5/2022
- Giới tính	:	Nam
- Ngày sinh	:	11/10/1981
- Quốc tịch	:	Việt Nam
- Dân tộc	:	Kinh

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Địa chỉ thường trú : Thôn Đại Vĩ, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.
- Địa chỉ hiện tại : Thôn Đại Vĩ, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện
- Quá trình Công tác
 - + Từ 08/2011 đến 10/2011 : Phó phòng Cơ điện - Công ty Mỏ Tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
 - + Từ 01/2011 đến 10/2016 : Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai
 - + Từ 11/2016 đến 12/2019 : Trưởng phòng Vật tư - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
 - + Từ 01/2020 đến nay : Phó giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- | | |
|---|--|
| Họ và tên | : NGUYỄN HOÀI NAM |
| - Số CMND/CCCD | : 030077003838 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; cấp ngày 25/07/2021 |
| - Giới tính | : Nam |
| - Ngày sinh | : 03/02/1977 |
| - Quốc tịch | : Việt Nam |
| - Dân tộc | : Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | : Tòa B, Tổ hợp nhà liền kề, TTTM và căn hộ, số 82 Nguyễn Tuân, P. Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội |
| - Địa chỉ hiện tại | : Tòa B, Tổ hợp nhà liền kề, TTTM và căn hộ, số 82 Nguyễn Tuân, P. Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội |
| - Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư Xây dựng công trình ngầm và mỏ; Thạc sỹ Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm |
| - Quá trình Công tác <ul style="list-style-type: none"> + Từ 11/1999 đến 7/2001 : Cán bộ kỹ thuật thi công - Công ty XD thủy lợi 1 thuộc Tổng công ty xây dựng thủy lợi 1 + Từ 08/2001 ÷ 02/2002 : Cán bộ kỹ thuật thi công - Công ty công trình giao thông Quảng Ninh. + Từ 04/2002 ÷ 02/2003 : Cán bộ TVGS - Trung tâm TVGS - sở xây dựng Hải Dương. + Từ 03/2003 ÷ 05/2006 : Cán bộ nghiên cứu - C.ty CP Tin học, công nghệ, môi trường - Vinacomin + Từ 06/2006 ÷ 08/2008 : Cán bộ thiết kế - Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin | |

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

+ Từ 09/2008 ÷ 12/2009	: Phó trưởng phòng Hàm lò I - Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin
+ Từ 01/2010 ÷ 05/2021	: Phó trưởng phòng Xây dựng công trình ngầm và mỏ - Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp – Vinacomin
+ Từ 06/2021 ÷ 08/2022	: Chuyên viên phòng Mỏ - Địa Chất - Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP
+ Từ 09/2022 đến nay	: Phó Giám đốc - Công ty CP Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty	: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên	: ĐỖ NGỌC HẢI
- Số CMND/CCCD	: 001001079003875 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/4/2021
- Giới tính	: Nam
- Ngày sinh	: 17/07/1979
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Địa chỉ thường trú	: 35 Ngõ 323 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại	: 35 Ngõ 323 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD
- Quá trình Công tác	
+ Từ 2003 đến 09/2006	: Chuyên viên tại Tổng công ty Than
+ Từ 10/2006 đến 06/2008	: Phó phòng tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VVMI
+ Từ 07/2008 đến 08/2010	: Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Văn hóa Truyền Thông Xanh
+ Từ 09/2010 đến 09/2015	: Phó phòng tại Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Mỏ và Công nghiệp-Vinacomin
+ Từ 10/2015 đến 07/2018	: Chuyên viên phòng TCKT tại Tổng công ty Khoáng sản – TKV
+ Từ 07/2016 đến 4/2019	: Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
+ Từ 08/2018 đến nay	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Bảng số 5: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	781	100%
1. Phân theo trình độ lao động	781	100%
- Trình độ Cao đẳng, Đại học và trên đại học	171	21,89
- Trình độ Trung học chuyên nghiệp	287	36,75
- Công nhân kỹ thuật	286	36,62
- Lao động phổ thông	37	4,74
2. Phân theo phân công lao động	781	100%
- Lao động quản lý	81	10,37
- Lao động công nghệ	503	64,10
- Lao động phụ trợ	129	16,52
- Lao động phục vụ	68	8,71
3. Phân theo giới tính	781	100%
- Nam	610	78,11
- Nữ	171	21,89

(Nguồn: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

➤ **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

- Công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ doanh nghiệp: Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý, định biên lao động tại các đơn vị trực thuộc trong toàn Công ty, trong năm 2022 tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực về cơ cấu lao động, duy trì lao động gián tiếp 10%, lao động phục vụ, phụ trợ giảm, tăng lao động công nghệ, về hiệu quả công việc. Thực hiện quản lý lao động theo hướng giảm lao động gián tiếp, ưu tiên sử dụng lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao. Tổng số lao động đầu kỳ (01/01/2022) 795 lao động, tổng số lao động cuối kỳ (31/12/2022) 781 lao động. Lao động sử dụng bình quân trong kỳ: 780 người/832 người bằng 94%KHN.

- Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện phương án xây dựng lại mức lương ngành nghề cho tất cả CBCNV trong công ty theo hướng trả lương cao cho lao động có trình độ cao, đảm bảo trả lương đúng theo mức độ đóng góp, không cào bằng. Đảm bảo thu nhập cho những lao động chủ chốt yên tâm gắn bó lâu dài với công ty. Tiếp tục ban hành đơn giá tiền lương theo sản phẩm cho các đơn vị sản xuất (Khai tuyển, Thiêu kết, Luyện gang, Luyện thép) giao khoán theo các công đoạn sản xuất. Từng bước thực hiện giao khoán tiền lương trên cơ sở hao phí lao động thực tế. Xây dựng thang bảng lương mới cho người lao động với mức lương trung bình tăng 6% so với mức lương tại thang bảng lương cũ.

- Chính sách đào tạo:

Trong năm Công ty đã tổ chức đào tạo, tập huấn cho CBCNV nhằm nâng cao trình độ Lý luận chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CNCBVLD trong toàn Công ty, đã thực hiện cử 42 lượt CBNV tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do Tổng công ty và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tổ chức...

Tổ chức nâng lương thường xuyên cho 18 cán bộ nhân viên, đào tạo nâng cao trình độ về lý thuyết và tay nghề cho người lao động trong toàn Công ty. Tổ chức thi nâng bậc CNKT cho 102 lao động.

- Công tác thi đua - khen thưởng:

Phát động phong trào thi đua khen thưởng năm 2022 với nhiều nội dung phong phú theo kế hoạch phát động thi đua của Tập đoàn, của Tổng Công ty Khoáng sản - TKV và Khối thi đua Doanh nghiệp tỉnh Cao Bằng phát động. Xây dựng kế hoạch thi đua sản xuất từng tháng, quý, đồng thời động viên khuyến khích đối với các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc kế hoạch được giao; Phối hợp cùng Khối thi đua các doanh nghiệp Trung ương triển khai thực hiện các nội dung công tác thi đua, khen thưởng của Khối các doanh nghiệp Trung ương năm 2022; Tặng Giấy khen cho 02 đơn vị đạt năng suất kỷ lục; Xét duyệt danh hiệu chiến sỹ thi đua, lao động tiên tiến các cấp...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2022 Công ty tiếp tục triển khai các hạng mục công việc phục vụ khai thác Khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, cụ thể tiến độ như sau:

Hạng mục bãi thải số 3 (11,61ha): Đã hoàn thành chứng thư thẩm định giá đất và bàn giao chứng thư cho trình Hội đồng thẩm định giá đất UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời hoàn thành công tác kiểm đếm chi tiết diện tích đất và các tài sản trên đất của toàn bộ 76 hộ dân, làm cơ sở lập dự toán đền bù GPMB.

Tại khai trường khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đã hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ giải thửa khu trung tâm khai trường khu Bắc và cắm mốc ranh giới toàn bộ khu vực diện tích 21ha theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. Hồ sơ đã bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cao Bằng, phục vụ lập Dự toán chi phí thực hiện công tác đền bù.

Hoàn thành đăng ký sử dụng diện tích 17ha đất bao quanh khu đất 21ha trung tâm khu Bắc, chuẩn bị cho GPMB khu Bắc giai đoạn 2 và đường vận chuyển kết nối Khu Nam - Khu Bắc.

Dự án Tái định cư phục vụ GPMB mỏ Nà Rụa hiện vẫn đang tiếp tục thực hiện theo tiến độ dự án.

+ Công tác Đầu tư xây dựng cơ bản

Giá trị thực hiện đầu tư trong năm: 5.570/20.370 triệu đồng, đạt 27%KH năm.

+ Công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên CTKT

Giá trị thực hiện đầu tư trong năm: 2.187/5.716 triệu đồng đạt 38,2%KH năm.

- Công tác quyết toán các dự án

Năm 2022 Công ty đã thực hiện xong Quyết toán các Dự án:

- + Dự án Trụ sở làm việc Công ty CP Gang thép Cao Bằng: 41.126 triệu đồng.
 - + Dự án Khu liên hợp gang thép Cao Bằng: 1.777.384 triệu đồng.
 - + Công trình Xây dựng Nhà che bãi nguyên liệu: 2.253 triệu đồng.
 - + Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ SX Công ty CP Gang thép Cao Bằng: 4.302 triệu đồng.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 6: Tình hình tài chính của Công ty năm 2021 - 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2022 (VNĐ)	Tăng giảm năm 2022 so với năm 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	1.832.512.205.646	1.232.990.943.463	67,28
Doanh thu thuần	2.892.446.834.164	2.131.189.046.456	73,68
LNT từ hoạt động SXKD	357.208.393.290	23.937.523.096	6,70
Lợi nhuận khác	(1.907.788.370)	(17.847.888.083)	935,53
Lợi nhuận trước thuế	355.300.604.920	6.089.635.013	1,71
Lợi nhuận sau thuế	341.228.014.094	7.749.224.598	2,27

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2021, năm 2022 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2021 - 2022

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,55	0,63
(= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)			
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,06	0,06
(TSLĐ - Hàng tồn kho)			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,76	0,78
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,2	3,49
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	5,82	3,57
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho BQ			
Vòng quay tổng tài sản:	Lần	1,58	1,07
<u>Doanh thu thuần</u>			
Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,80	0,36

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	78,12,	1,75
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	18,62	0,39
Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	12,35	1,12

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 của CTCP Gang thép Cao Bằng)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 43.006.366 cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 43.006.366 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/3/2022

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	605	43.005.366	99,998%
1.1	Tổ chức	5	38.005.734	88,37%
1.2	Cá nhân	600	4.999.632	11,63%
2	Cổ đông nước ngoài	1	1000	0,002%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng	606	43.006.366	100%

(Nguồn: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam)

Bảng số 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2022

TT	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100103087 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010 thay đổi lần thứ 05 ngày 06/10/2015	22.595.420	52,54%
2	Công ty cổ phần Tập đoàn PC1	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100100745 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/07/2005, thay đổi lần thứ 22 ngày 02/3/2022	10.788.226	25,09%
3	Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Giấy chứng nhận ĐKDN số 1003000027 do Sở KH&ĐT tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 28/02/2006 thay đổi lần thứ 7 ngày 03/06/2016	4.166.988	9,69%
Tổng cộng			37.550.634	87,31%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tác động lên môi trường:

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất của Công ty: Quặng sắt, than cốc, than cám và một số các nguyên phụ liệu phục vụ cho quá trình tuyển luyện, tinh chế quặng.

Công ty có mỏ quặng sắt Nà Rạ, việc khai thác quặng tại mỏ cung cấp một phần nguồn nguyên liệu cho nhà máy. Tuy nhiên hiện nay Khâu khai thác mỏ không đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất do khu Nam mỏ sắt Nà Rạ đã bước vào giai đoạn tận thu.

Các loại nguyên vật liệu khác phục vụ cho quá trình hoạt động, sản xuất, Công ty tổ chức chào hàng cạnh tranh các tổ chức, đơn vị cung ứng trong nước. Việc chào giá cạnh tranh giúp cho Công ty lựa chọn được những Công ty, đối tác cung ứng đáp ứng đủ điều kiện về năng lực, chất lượng và số lượng hàng hóa được đảm bảo.

Các loại nguyên nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty được cung cấp bởi các công ty sản xuất và cung cấp có uy tín, chất lượng trên thị trường nên tạo điều kiện thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, đây là các đơn vị sản xuất, cung cấp lớn trong cả nước luôn đáp ứng tốt nhu cầu về số lượng, chất lượng và giá cả.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

+) Về quản lý sử dụng điện năng

Tổng tiêu hao điện năng của toàn công ty dự kiến năm 2022 là 76,7/106,4 triệu kWh, bằng 72% kế hoạch năm, giảm 29,7 triệu kWh do số giờ huy động thiết bị thực hiện giảm so với kế hoạch.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước: Sông Bằng, lượng nước sử dụng cho toàn Nhà máy năm 2022 là 685,887 m³.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.5. Chính sách đảm bảo chế độ, sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Ngoài việc thực hiện đầy đủ chính sách theo quy định của Nhà nước cho người lao động Công ty còn thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại, chế độ ăn ca cho người lao động, triển khai khám sức khỏe cho toàn thể CBCNV, trong năm tổng số lao động khám lần 1: 781/793 người, lần 2: 698/705 người. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, duy trì hoạt động mạng lưới ATVSV, tổ chức huấn luyện định kỳ về ATVSLĐ cho các đối tượng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV...

Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước (giải quyết kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ tết, nghỉ phép, thăm quan nghỉ mát, tặng quà cho NLD trong dịp lễ tết, tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn...).

6.6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam về môi trường (không có vi phạm và không có khiếu nại liên quan đến môi trường). Trong năm 2022, Công ty tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, không để xảy ra TNLĐ, sự cố môi trường và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2022, Công ty thực hiện tốt các hoạt động đầu tư cộng đồng, bao gồm hỗ trợ tài chính phục vụ công đồng và tham gia tích cực các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương. Tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào tương thân, tương ái, ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, Tết thờ mỏ cho CBCNVLĐ có hoàn cảnh khó khăn...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty bước vào thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty khoáng sản - TKV, Hội đồng quản trị Công ty và sự ủng hộ của chính quyền địa phương tỉnh Cao Bằng. Thêm vào đó là sự đồng thuận, đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty.

Bên cạnh thuận lợi, hoạt động SXKD trong của Công ty còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, tình hình dịch bệnh Covid-19 những tháng đầu năm trong nước và trên thế giới diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến khả năng cung ứng vật tư phục vụ sản xuất đặc biệt là các vật tư nhập khẩu (chi phí dịch vụ logistics tăng, tiến độ cung ứng kéo dài, vv...).

Hệ thống lò cao đã vào giai đoạn cuối chu kỳ đời lò nên xảy ra sự cố (bục đáy nồi lò) phải ngừng sản xuất toàn Nhà máy. Đến ngày 23/8/2022, Công ty đã tiến hành dừng để xây mới lại Hệ thống lò cao.

Khâu khai thác mỏ không đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất do khu Nam mỏ sắt Nà Rạ đã bước vào giai đoạn tận thu cùng với đó công tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ tiến độ triển khai còn chậm, thủ tục phức tạp.

Thị trường phôi thép trong nước và trên thế giới bước vào chu kỳ suy thoái từ đầu quý III, giá bán và nhu cầu phôi thép trên thị trường suy giảm mạnh khiến các đơn vị sản xuất phôi thép lớn trong nước như Hòa Phát, Pomina... cũng phải dừng hoặc sản xuất cầm chừng.

Tình hình xung đột Nga – Ukraina ảnh hưởng tới giá nhiên liệu trong nước làm tăng chi phí vận tải khiến giá một số nguyên vật liệu phục vụ sản xuất tăng...Cùng đó là tỷ giá USD/VND tăng gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD chung của Công ty.

1.1. Kết quả thực hiện năm 2022

a. Các chỉ tiêu chính

- Doanh thu: 2.133 tỷ đồng bằng 60%KH năm; 101%KHĐC và bằng 74% so với thực hiện năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế: 7,7 tỷ đồng bằng 9%KH năm; 74%KHĐC và bằng 2% so với thực hiện năm 2021.

- Nộp ngân sách: 61,8 tỷ đồng bằng 67%KH năm; 124%KHĐC và bằng 46% so với thực hiện năm 2021.

- Tổng quỹ lương: 95 tỷ đồng bằng 82,61%KH năm; 99,84%KHĐC và bằng 83% so với thực hiện năm 2021.

- Lao động sử dụng bình quân: 780 người bằng 94%KH năm; 100%KHĐC và bằng 94% so với thực hiện năm 2021.

- Tiền lương bình quân: 10,15 tr.đ/ng-thg bằng 88%KH năm; 99,51%KHĐC và bằng 88% so với thực hiện năm 2021.

b. Sản phẩm sản xuất, tiêu thụ:

- Phôi thép sản xuất cả năm 145.006 tấn bằng 66% KH năm; 103%KHĐC và bằng 73% so với thực hiện năm 2021.

- Tinh quặng sắt sản xuất cả năm 81.637 tấn bằng 93% KH năm; 100%KHĐC và bằng 101% so với thực hiện năm 2021.

- Phôi thép tiêu thụ cả năm 140.311 tấn bằng 62% KH năm; 101%KHĐC và bằng 71% so với thực hiện năm 2021.

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện năm 2022

Trong năm 2022, đứng trước những khó khăn và sự biến động của thị trường, Công ty đã triển khai đồng thời các giải pháp điều hành cụ thể để đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Công ty tiếp tục triển khai giao khoán định mức KTKT và kế hoạch sản xuất cho các Phân xưởng, hàng tháng tổ chức nghiệm thu khối lượng, chi phí nhằm kịp thời đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện chi phí, đảm bảo kế hoạch giao. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại một số những hạn chế, cụ thể:

- Sản lượng phôi thép sản xuất đạt thấp do những nguyên nhân khách quan do Hệ thống lò cao bước vào chu kỳ cuối đời lò xảy ra sự 2 cổ lớn trong 6 tháng đầu năm phải dừng sản xuất nhiều ngày và đến 23/8 dừng xây mới lại toàn bộ hệ thống đến 18/10 bắt đầu quay trở lại sản xuất. Hệ thống lò cao sau sửa chữa đã hoạt động ổn định, đạt công suất thiết kế, tốc độ ăn liệu đạt >1.200 tấn/ngày; sản lượng phôi thép đạt năng suất kỷ lục với 52 mẻ thép, sản lượng 1.120 tấn/ngày so với thiết kế 710 tấn/ngày.

- Các khoản mục chi phí trong đầu đều đảm bảo trong mức thấp hơn so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, chi phí SCL tăng so với kế hoạch do phát sinh hạng mục xây mới Hệ thống lò cao và Chi phí tài chính tăng 11 tỷ, nguyên nhân do chênh lệch tỷ giá USD/VND.

1.3. Những hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

a. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

(i) Công tác triển khai GPMB khu Bắc mỏ sắt Nà Rua chưa đạt tiến độ.

- Đối với bãi thải số 3: UBND tỉnh Cao Bằng chưa phê duyệt chứng thư xác định giá nên chưa thể triển khai công việc tiếp theo.

- GPMB khai trường khu Bắc (21ha): do chưa có đất tái định cư cho dự án, cụ thể: dự án Tái định cư mỏ Nà Rua chưa phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi do đó chưa thể ra thông báo thu hồi đất cũng như thực hiện các công tác khác của công tác đền bù.

- Dự án GPMB Tái định cư: Dự án do UBND thành phố làm chủ đầu tư, công ty chỉ có thể tham gia phối hợp, hỗ trợ các công tác khi UBND thành phố đề nghị giúp đỡ. Công ty cũng đã chủ động làm việc với các sở Xây dựng và Tài nguyên môi trường,

tham gia giải trình, đề xuất giải pháp tháo gỡ vướng mắc. Tuy nhiên, do không phải là Chủ đầu tư nên cũng không thể chủ động hoàn toàn trong quá trình thực hiện.

(ii) Sản lượng sản xuất phôi thép đạt thấp, nguyên nhân:

- Hệ thống lò cao dẫn đến xảy ra sự cố nhiều lần và phải dừng sửa chữa trước so với kế hoạch.

- Nguồn nguyên liệu cung cấp cho sản xuất phải mua ngoài với nhiều nguồn cung cấp khác nhau dẫn đến việc khó chủ động cho sản xuất, một số lô quặng còn lẫn tạp chất ảnh hưởng đến năng suất sản xuất tại các khâu công nghệ. Công tác vận hành công nghệ theo các điều kiện nguyên liệu gặp nhiều khó khăn.

b. Bài học kinh nghiệm

(i) Trong công tác sản xuất: Tăng cường hơn nữa công tác quản trị công nghệ, quản trị sản xuất, quản trị sự cố.

(ii) Trong công tác chuẩn bị nguyên liệu: Chủ động hơn nữa trong công tác xây dựng kế hoạch nhu cầu và triển khai các giải pháp tìm kiếm, đa dạng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, không để xảy ra việc sản xuất gián đoạn, cầm chừng do thiếu nguyên liệu.

(iii) Trong công tác triển khai khai thác khu Bắc: Xây dựng mối quan nhất trí giữa các bộ phận, tổ chức đoàn thể với chính quyền địa phương. Quyết liệt xây dựng chương trình, giải pháp cụ thể sớm triển khai nhanh dự án Tái định cư, giải phóng mặt bằng khu Bắc mỏ Nà Rua đảm bảo nguồn nguyên liệu và coi đây cũng là một yếu tố, nhiệm vụ quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

2. Tình hình tài chính

+ Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 3,49 lần

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 1,75%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 0,39%

* Về bảo toàn và phát triển vốn:

$$\text{- Hệ số bảo toàn vốn} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (442.273 trđ)}}{\text{Vốn chủ sở hữu đầu kỳ (436.820 trđ)}} = 1,01$$

Khả năng bảo toàn vốn của Công ty: Hệ số bảo toàn vốn >1 phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, nguồn vốn được bảo toàn.

$$\text{- Tỷ số tự tài trợ} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (442.273 trđ)}}{\text{Tổng nguồn vốn (1.986.245 trđ)}} = 22,27\%$$

Khả năng tự chủ tài chính của Công ty: Đánh giá khả năng tự chủ tài chính của Công ty: Tỷ số tài trợ < 30% phản ánh khả năng tự chủ về nguồn vốn thấp. Tình hình tài chính Công ty đang trong tình trạng không đảm bảo.

$$\text{- Hệ số thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn (753.251 trđ)}}{\text{Nợ Ngắn hạn (1.200.542 trđ)}} = 0,63$$

- Các khoản phải thu ngắn hạn tại 31/12/2022 là: 4.981,4 triệu đồng.
- + Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 101,8 triệu đồng.
- + Trả trước cho người bán: 1.815,6 triệu đồng.
- + Phải thu khác: 4.860,5 triệu đồng.
- + Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: (1.796,5) triệu đồng.
- Các khoản phải thu dài hạn tại 31/12/2022 là: 22.066,8 triệu đồng.
- Nợ phải trả: Số dư tại 31/12/2022 là: 1.543.969 triệu đồng, gồm:
 - + Nợ phải trả ngắn hạn: 1.200.541,7 triệu đồng, trong đó:
 - ✓ Phải trả cho người bán ngắn hạn: 518.945,3 triệu đồng.
 - ✓ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 618.018 triệu đồng.
 - + Nợ phải trả dài hạn: 343.427 triệu đồng, trong đó:
 - ✓ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: 343.427 triệu đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý, định biên lao động tại các đơn vị trực thuộc trong toàn Công ty, trong năm 2022 tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực về cơ cấu lao động, duy trì lao động gián tiếp 10%, lao động phục vụ, phụ trợ giảm, tăng lao động công nghệ, về hiệu quả công việc. Thực hiện quản lý lao động theo hướng giảm lao động gián tiếp, ưu tiên sử dụng lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao. Tổng số lao động đầu kỳ (01/01/2022) 795 lao động, tổng số lao động cuối kỳ (31/12/2022) 781 lao động. Lao động sử dụng bình quân trong kỳ: 780 người/832 người bằng 94%KHN.

4. Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Thực hiện các hạng mục công việc đảm bảo AT - VSLĐ - PCCN trong sản xuất như: Gia công, lắp đặt các bộ bao che, bảo vệ thiết bị; Thí nghiệm 68 công cụ, dụng cụ an toàn, thiết bị điện trong toàn Công ty; Tổ chức đo tiếp địa thiết bị và nhà xưởng; Bổ sung, thay thế 205 biển cấm, biển cảnh báo các loại; Tổ chức kiểm định 12 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ sau khi đưa vào sửa chữa, trung đại tu. Cấp phát, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đặc thù ngành nghề. Thực hiện cấp phát BDDH bằng hiện vật cho người lao động đầy đủ.

Kết quả quan trắc, giám sát môi trường định kỳ cho thấy các chỉ tiêu về môi trường đạt quy chuẩn Việt Nam. Công ty đã chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm không xảy ra các sự cố về môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Năm 2022 Công ty đã thực hiện tốt việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động. Đảm bảo được công việc, tiền lương, chế độ chính sách và chế độ đãi ngộ khác cho người lao động, thu nhập của người lao động được nâng cao. Ban hành lại và ban hành mới các quy chế, quy định liên quan đến người lao động theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện SXKD thực tế của Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, quyên góp ủng hộ các gia đình có điều kiện khó khăn...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Năm 2022 mặc dù sản lượng sản xuất trong năm chưa hoàn thành so với mục tiêu đề ra, Công ty cũng đã nỗ lực trong việc triển khai các giải pháp điều hành sản xuất, quản trị chi phí trong tất cả các khâu công đoạn từ khai thác – tuyển khoáng – luyện kim với mục tiêu tiên quyết SXKD phải đảm bảo tuyệt đối an toàn và có hiệu quả. Cùng với đó là sự quyết liệt, áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp kỹ thuật công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, triển khai quyết liệt đồng thời nhiều giải pháp trong công tác điều hành đặc biệt trong công tác Sửa chữa lớn (hệ thống lò cao xảy ra 03 lần sự cố lớn và xây mới lại toàn bộ hệ thống lò 02 tháng), chủ động cân đối sản lượng tiêu thụ phối thép theo từng diễn biến của thị trường đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh cả năm, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Công tác quản lý hoạt động SXKD, quản lý lao động, quản lý vốn và tài sản... theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty:

+ Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế nội bộ... Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy chế ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

+ Các văn bản Quy chế quản lý nội bộ Công ty đã thường xuyên được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý SXKD.

+ Công tác chỉ đạo quản lý tuân thủ các quy định của Công ty, các quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Kết quả đạt được trong năm 2022 Công ty đã bảo toàn được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Các thành viên trong Ban Giám đốc công ty đều có trình độ, chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.

- Giám đốc Công ty đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho các Phó Giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần, tháng và triển khai kế hoạch công việc kế tiếp.

- Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ Đại hội ĐCD thông qua, quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Hội đồng quản trị công ty giám sát việc sử dụng, quản lý và đầu tư tài sản, mua bán vật tư phục vụ SXKD, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Hình thức giám sát: HĐQT dự họp với ban điều hành kiểm điểm kết quả SXKD hàng tháng, quý; giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của BKS công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền không gây cản trở hoạt động của Công ty và bộ máy điều hành. Việc kiểm tra, giám sát này giúp cho HĐQT làm việc tốt hơn. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, hạn chế các rủi ro.

Trong năm 2022 HĐQT đã tập chung chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty các hoạt động chủ yếu như:

- + Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 25/4/2022.
- + Tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023.
- + Giám sát Công tác triển khai khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ.
- + Giám sát Công tác sửa chữa lớn Khu liên hợp Gang thép....
- + Giám sát mua/bán than cốc/quặng sắt/phôi thép với Tổng công ty Khoáng sản - TKV...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhận định nhiệm vụ năm 2023 rất khó khăn, giá bán sản phẩm phôi thép trên thị trường dự báo không còn ở mức cao, khối lượng nguyên liệu quặng sắt phải mua ngoài chủ yếu, thị trường kim loại biến động, khu Nam mỏ sắt Nà Rạ đã bước vào giai đoạn tận thu, tài nguyên khu Bắc chưa triển khai được... Vì vậy năm 2023 hoạt động của Công ty được dự báo sẽ có rất nhiều khó khăn, Công ty cần tăng cường công tác quản trị, tính toán cung cấp nguyên liệu phù hợp, hoàn thành sản lượng, tiết kiệm chi phí, triển khai nhanh dự án khu Bắc mỏ Nà Rạ, sản xuất kinh doanh có hiệu quả và an toàn... Trước tình hình trên Hội đồng quản trị chỉ đạo làm tốt các nhiệm vụ sau:

- Xác định rõ định hướng thị trường chủ yếu để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển thị trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

- Thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2023. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2023, đảm bảo cân đối và thu xếp vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, cố gắng từng bước bảo toàn và phát triển vốn. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro... nâng cao thu nhập cho CBCNV LĐ Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành công ty thực hiện các giải pháp nâng cao các mặt quản lý, đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật cơ bản, tăng cường quản lý chất lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào, đặc biệt là than cốc, quặng sắt, nâng cao các chỉ tiêu công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ và đa dạng hóa sản phẩm. Xây dựng kế hoạch sản lượng sản xuất năm 2023 linh hoạt với những diễn biến của thị trường giá bán phôi thép, giá đầu vào than cốc, quặng sắt các loại đảm bảo hiệu quả SXKD.

- Phối hợp cùng Ban kiểm soát công ty chỉ đạo Ban điều hành tăng cường nhận diện các rủi ro trong SXKD, đặc biệt là rủi ro thị trường tiêu thụ, mua bán hàng hoá, nguyên nhiên liệu để có phương án mua bán, tiêu thụ hàng hoá tốt hơn.

- Chỉ đạo Công ty đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ đảm bảo kịp thời cung cấp quặng sắt cho Nhà máy Gang thép trong thời gian sớm nhất có thể, coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Công ty.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD trong toàn Công ty. Thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về ATVSLĐ, ATMT.

- Tiếp tục tái cơ cấu, định biên lại lao động phù hợp với mô hình sản xuất. Nâng cao và hoàn thiện năng lực quản lý và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chủ chốt. Liên tục đào tạo nội bộ và xoay vòng nhân sự qua các mảng để nâng cao nghiệp vụ, tay nghề. Tăng cường công tác đào tạo CNKT vận hành tại các vị trí quan trọng, đặc biệt là đào tạo chuyên sâu cho công nhân vận hành lò cao, vận hành lò chuyển...

- Phối hợp với các tổ chức Chính trị xã hội trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Công ty ngày càng phát triển và thịnh vượng.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Bảng số 1: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông: Bùi Tiến Hải	Chủ tịch HĐQT không điều hành
2	Ông: Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT điều hành
3	Ông: Trịnh Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông: Phạm Thành Đô	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông: Tô Xuân Thanh	Thành viên HĐQT không điều hành

➤ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên	BÙI TIẾN HẢI
- Số CMND/CCCD	: 034076021263, Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH cấp ngày 10/7/2021
- Giới tính	: Nam
- Ngày sinh	: 16/3/1976
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Địa chỉ thường trú	: Phòng 1205, Nhà 17T3, Khu đô thị HAPULICO, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại	: Phòng 1205, Nhà 17T3, Khu đô thị HAPULICO, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Tuyển khoáng
- Quá trình Công tác + Từ 8/2001-7/2004	: Cán bộ kỹ thuật, Xí nghiệp chế biến Zircon-titan, Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
+ Từ 8/2004-11/2005	: Nhân viên phòng kỹ thuật, Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- + Từ 12/2005-12/2007 : Lao động tự do tại Ucraina
- + Từ 01/2008-10/2009 : Nhân viên phòng Tuyển khoáng Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- + Từ 11/2009 đến 3/2011 : Phó trưởng phòng Tuyển khoáng Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- + Từ 4/2011 đến 12/2013 : Phó giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- + Từ 12/2013 đến 5/2014 : Phó trưởng phòng Tuyển khoáng Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- + Từ 6/2014 đến 8/2014 : UV Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico kiêm Chủ tịch công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn - TMC
- + Từ 9/2014 đến 7/2015 : UV BCH Đảng bộ, UV Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn - TMC
- + Từ 8/2015 đến 4/2019 : Bí thư Đảng ủy, UV Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn - TMC
- + Từ 5/2019 đến nay : Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó tổng giám đốc, TV HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (Tổng công ty Khoáng sản - TKV) : 8.595.420 cổ phần, chiếm 19,99% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao Chủ tịch HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : TRỊNH VĂN TUẤN

- Số CMND/CCCD : 038062002196, Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC cấp ngày 04/01/2017
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/07/1962
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 47, tổ 13, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Số 47, tổ 13, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Quá trình Công tác
 - + Từ 06/1999 đến 03/2001 : Trưởng phòng kinh doanh tại Xí nghiệp xây dựng điện
 - + Từ 04/2001 đến 06/2002 : Phó Giám đốc tại Xí nghiệp lắp máy và xây dựng điện dân dụng
 - + Từ 12/2002 đến 10/2003 : Trưởng ban BCHCT tại Công ty cổ phần xây lắp điện I
 - + Từ 11/2003 đến 08/2005 : Giám đốc xí nghiệp lắp trạm và xây dựng tại Công ty cổ phần xây lắp điện I
 - + Từ 09/2005 đến 09/2007 : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần thương mại và xây lắp công nghiệp Thăng Long
 - + Từ 10/2007 đến 03/2010 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Xây lắp điện I
 - + Từ 04/2010 đến 12/2021 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Xây lắp điện I
 - + Từ 12/2021 đến 2/2022 : Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Xây lắp điện I
 - + Từ 3/2022 đến nay : Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tập đoàn PC1
 - + Từ 04/2011 đến nay : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tập đoàn PC1
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 00 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 10.788.226 cổ phần, chiếm 25,09% vốn điều lệ (CTCP Xây lắp điện I)
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Đã trình bày tại mục Thành viên Ban Điều hành

Họ và tên : PHẠM THÀNH ĐÔ

- Số CMND/CCCD : 012006390, công an Hà Nội cấp ngày 09/04/2012
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/01/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 34 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Tổ 34 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình Công tác
 - + Từ 2000 đến 2003 : Chuyên viên tại Vụ Kế hoạch và Đầu tư Bộ Công

- ng nghiệp
- + Từ 2003 đến 2006 : Phó Giám đốc tại Công ty TNHH ĐP
 - + Từ 2006 đến 09/2014 : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
 - + Từ 10/2014 đến nay : Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
 - + Từ 04/2015 đến 5/2019 : TV HĐQT tại Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
 - + Từ 6/2019 đến nay : TV HĐQT Công ty CP du lịch Đắc Lắc
 - + Từ 2020 đến nay : TV HĐQT Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam
 - + Từ 04/2011 đến nay : TV HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang;
+ TV HĐQT Công ty CP Du lịch Đắc Lắc;
+ TV HĐQT Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam.
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 00 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (CTCP Cơ khí và khoáng sản Hà Giang) : 4.166.988 cổ phần, chiếm 9,69% vốn điều lệ
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thủ lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thủ lao thành viên HĐQT
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên	:	TÔ XUÂN THANH
- Số CMND/CCCD	:	019072000012, Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 24/6/2021
- Giới tính	:	Nam
- Ngày sinh	:	02/11/1972
- Quốc tịch	:	Việt Nam
- Dân tộc	:	Kinh
- Địa chỉ thường trú	:	SN 9/129, An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại	:	SN 9/129, An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Luyện kim
- Quá trình Công tác	:	
+ Từ 3/1993 đến 3/1995	:	Công nhân NM.Luyện gang, Cty Gang thép Thái Nguyên
+ Từ 3/1995 đến 7/1998	:	Đốc công NM.Luyện gang, Cty Gang thép Thái Nguyên
+ Từ 8/1998 đến 8/2001	:	Trưởng ca NM.Luyện gang, Cty Gang thép Thái Nguyên
+ Từ 8/2001 đến 8/2002	:	Trưởng ca PX Lò cao, NM.Luyện gang, Cty Gang

- thép Thái Nguyên
- + Từ 9/2002 đến 8/2004 : Phó phòng Kỹ thuật, NM.Luyện gang, Cty Gang thép Thái Nguyên
 - + Từ 8/2004 đến 6/2007 : Trưởng phòng kỹ thuật, NM.Luyện gang, Cty Gang thép Thái Nguyên
 - + Từ 7/2007 đến 12/2007 : Phó ban, Ban dự án, Tập đoàn Hòa phát
 - + Từ 1/2008 đến 9/2010 : Phó Giám đốc Cty CP thép Hà Tĩnh
 - + Từ 10/2010 đến 5/2013 : Phó Giám đốc Cty CP thép Hòa phát
 - + Từ 5/2013 đến 4/2015 : Phó trưởng phòng Luyện kim - Tổng Cty Khoáng sản-TKV.
 - + Từ 4/2015 đến 4/2019 : Phó Giám đốc Cty CP Gang thép Cao Bằng
 - + Từ 4/2019 đến nay : Phó trưởng phòng Tuyển khoáng Luyện kim - Tổng Cty Khoáng sản-TKV.
 - + Từ 4/2020 đến nay : TV HĐQT tại Công ty CP Gang thép Cao Bằng.
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó trưởng phòng Tuyển khoáng – Luyện kim Tổng công ty Khoáng sản - TKV
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 00 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (Tổng công ty Khoáng sản – TKV) : 7.000.000 cổ phần, chiếm 16,28% vốn điều lệ
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao thành viên HĐQT
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 HĐQT luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình, các thành viên trong HĐQT luôn có tinh thần trách nhiệm trước công việc được phân công, tham gia đầy đủ các kỳ họp, đóng góp nhiều ý kiến vào các Nghị quyết của HĐQT và hoạt động của Công ty, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, Nghị quyết và Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường phù hợp với tình hình kinh tế thị trường và tình hình biến động SXKD của Công ty.

Trong năm 2022 HĐQT đã tổ chức họp 13 phiên, ban hành 31 Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty. Các cuộc họp đều có đủ số thành viên HĐQT tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, các thành viên HĐQT đều thể hiện trách nhiệm và thống nhất ý kiến, các Nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số thành viên Hội đồng quản trị. Các cuộc họp đều có sự tham gia, chứng kiến của Ban kiểm soát công ty, Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều được Ban điều hành thông tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Bảng số 2: Danh sách Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông: Hoàng Văn Sáng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông: Lê Văn Lương	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà: Đào Thị Vân Anh	Thành viên Ban kiểm soát

➤ Lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và tên	: HOÀNG VĂN SÁNG
- Số CMND/CCCD	: 151818601, do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 28/6/2013
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 05/12/1991
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Địa chỉ thường trú	: số 37 Tô Hiệu, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại	: số 37 Tô Hiệu, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kiểm toán
- Quá trình Công tác	
+ Từ 07/2013 đến 3/2017	: Kiểm toán Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC)
+ Từ tháng 3/2017 đến 02/2022	: Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ tại Công ty CP Xây lắp Điện I
+ Từ 3/2022 đến nay	: Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ tại Công ty cổ phần Tập đoàn PC1
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ Công ty CP Tập đoàn PC1
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	: Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty	: Thù lao Trưởng Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên : LÊ VĂN LƯƠNG

- Số CMND/CCCD	: 013429111 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 21/5/2011
- Giới tính	: Nam
- Ngày sinh	: 01/9/1972

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phòng 516, nhà K1, Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Phòng 516, nhà K1, Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình Công tác :
 - + Từ 06/1991 đến 01/1998 : Công nhân luyện kim XN, Công ty KLM Thái Nguyên
 - + Từ 02/1998 đến 12/2001 : Công nhân Công ty KLM Thái Nguyên
 - + Từ 01/2002 đến 06/2003 : Công nhân công ty KLM Thái Nguyên
 - + Từ 07/2003 đến 12/2004 : Chuyên viên đội xe vận tải Công ty KLM Thái Nguyên
 - + Từ 01/2005 đến 6/2006 : Chuyên viên Phòng TCLĐ Công ty KLM Thái Nguyên
 - + Từ 07/2006 đến 6/2007 : Chuyên viên phòng TCLĐ Công ty KLM Thái Nguyên
 - + Từ 07/2007 đến 04/2009 : Chuyên viên Phòng LĐTL Tổng công ty khoáng sản TKV
 - + Từ 05/2009 đến 5/2009 : Chuyên viên phòng TCLĐ Công ty KLM Thái Nguyên
 - + Từ 06/2009 đến 06/2009 : Chuyên viên Phòng TCHC Công ty Luyện đồng Lào Cai
 - + Từ 07/2009 đến 8/2010 : Phó trưởng phòng TCHC Công ty Luyện đồng Lào Cai
 - + Từ 08/2010 đến 10/2010 : Chuyên viên Phòng LĐTL Tổng công ty khoáng sản TKV
 - + Từ 11/2010 đến 4/2015 : Phó trưởng phòng LĐTL Tổng công ty khoáng sản TKV
 - + Từ 04/2015 đến 01/2018 : Trưởng phòng TCHC Công ty CP gang thép Cao Bằng
 - + Từ 01/2018 đến nay : Phó Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty khoáng sản TKV
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty khoáng sản TKV
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao Thành viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : ĐÀO THỊ VÂN ANH

- Số CMND/CCCD : 004177000003, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH, ngày cấp 23/6/2021
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 17/09/1977

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 22 Thị trấn Đông Anh , TP Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Tổ 22 Thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình Công tác :
 - + Từ 10/2000 đến nay : Chuyên viên phòng tài chính kế toán tổng công ty khoáng sản - TKV
 - + Từ tháng 4/2019 đến 6/2020 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Gang thép Cao Bằng
 - + Từ tháng 6/2021 đến nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chuyên viên phòng tài chính kế toán tổng công ty khoáng sản TKV
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty : Thù lao Thành viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bảng số 3: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS năm 2021 được chi trả trong năm 2022

TT	Chức danh	Số người	Tiền thù lao kế hoạch đồng/ng/tháng	Tỷ lệ	Tiền thù lao thực hiện đồng/ng/tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	01	4.800.000	120%	5.760.000	69.120.000
2	Thành viên HĐQT	04	4.200.000	120%	5.040.000	241.920.000
3	Trưởng BKS	01	4.200.000	120%	5.040.000	60.480.000
4	Thành viên BKS	02	3.800.000	120%	4.560.000	109.440.000
	Cộng	08				480.960.000

(Nguồn: NQ ĐHĐCĐTN năm 2022 Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Theo Phụ lục 01 đính kèm báo cáo

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị Công ty: Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 được đăng tải trên website của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng: <http://gtcb.com.vn>

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Website Công ty;
- UBCKNN, HNX;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

**Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty;
hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**
(Kèm theo Báo cáo thường niên số: 365 /BC-GTCB ngày 19 tháng 3 năm 2023)

Phụ lục: 01

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	Ghi chú
1	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Công ty mẹ	0100103087 Ngày cấp: 28/4/2021 Nơi cấp: Sở KH và ĐT TP Hà Nội	Số 193, Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội	02/2022		157.300.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
2					4/2022		95.425.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
3					4/2022		95.425.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
4					8/2022		233.860.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
5					8/2022		58.465.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
6					8/2022		58.465.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
7					8/2022		58.465.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
8					8/2022		58.465.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
9					11/2022		96.222.500.000	Hợp đồng mua bán than cốc
10					11/2022		58.465.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
11					11/2022		58.465.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
12					11/2022		58.465.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc
13					11/2022		58.465.000.000	Hợp đồng mua bán than cốc